

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: **Kinh tế**; Chuyên ngành: **Kế toán – Kiểm toán**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **NGUYỄN HỮU CƯỜNG**

2. Ngày tháng năm sinh: **08/10/1976** ; Nam ☒ ; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: **Kinh** ; Tôn giáo: **Không**

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): **Xã Bình Tường, Huyện Tây Sơn, Tỉnh Bình Định.**

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): **40 Thế Lữ, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng.**

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): **40 Thế Lữ, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng.**

Điện thoại di động: **0905223886**; E-mail: **cuonghien@due.edu.vn**

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Thời gian	Công việc, chức vụ, cơ quan
09/1997 - 09/1999	Trợ giảng, Khoa Kế toán, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng
09/1999 - 12/2005	Giảng viên, Khoa Kế toán, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng
01/2006 - 07/2007	Học cao học (Kế toán nâng cao), Trường Đại học Công nghệ Curtin (nay là Trường Đại học Curtin), Úc
08/2007 - 01/2012	Giảng viên, Khoa Kế toán, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng
02/2012 - 2/2015	Nghiên cứu sinh (ngành kế toán), Trường Đại học Công nghệ Queensland, Úc
02/2015 - 12/2015	Giảng viên, Khoa Kế toán, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng
01/2016 - 02/2020	Giảng viên, Trưởng Bộ môn Kế toán, Khoa Kế toán, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng
03/2020 đến nay	Giảng viên chính, Phó Trưởng Khoa, Khoa Kế toán, Trường Đại học Kinh tế – Đại học Đà Nẵng.

Chức vụ hiện nay: Phó trưởng khoa, Khoa Kế toán, Trường Đại học Kinh tế – Đại học Đà Nẵng; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng khoa, Khoa Kế toán, Trường Đại học Kinh tế – Đại học Đà Nẵng

Cơ quan công tác hiện nay: **Khoa Kế toán, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng**

Địa chỉ cơ quan: **71 Ngũ Hành Sơn, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng**

Điện thoại cơ quan: **0236.3836987**

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu: Chưa nghỉ hưu

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng **ĐH** ngày 16 tháng 07 năm **1997**; số văn bằng: **43056**; ngành: **Kế toán**; Nơi cấp bằng **ĐH** (trường, nước): **Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh (nay là Trường Đại học Kinh tế) – Đại học Đà Nẵng, Việt Nam.**

- Được cấp bằng **ThS** ngày 21 tháng 09 năm **2007**; số văn bằng: **153680**; ngành: **Kế toán nâng cao**; Nơi cấp bằng **ThS** (trường, nước): **Trường Đại học Công nghệ Curtin (Curtin University of Technology - nay là Trường Đại học Curtin), Úc.**

- Được TS ngày 11 tháng 09 năm **2015**; ngành: **Kế toán**; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): **Trường Đại học Công nghệ Queensland (Queensland University of Technology)**, Úc.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: **Đại học Đà Nẵng**

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: **Kinh tế**

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- **Công bố thông tin:** Hướng nghiên cứu này tập trung vào việc phân tích dưới nhiều góc độ thực tiễn và học thuật các loại hình công bố thông tin của doanh nghiệp, bao gồm công bố bắt buộc, tự nguyện và tùy ý. Các loại hình này được thể hiện thông qua nhiều loại báo cáo như: báo cáo thường niên, báo cáo giữa niên độ, báo cáo bộ phận, báo cáo tích hợp, báo cáo trách nhiệm xã hội và báo cáo phát triển bền vững. Các công trình nghiên cứu trong lĩnh vực này nhằm mục tiêu đánh giá mức độ tuân thủ các quy định hiện hành và hướng dẫn công bố thông tin, thông qua việc đo lường định lượng và phân tích nội dung báo cáo để nhận diện mức độ cũng như chất lượng công bố thông tin định kỳ của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các nghiên cứu cũng xem xét mối quan hệ giữa công bố thông tin và các yếu tố như đặc điểm doanh nghiệp, cấu trúc quản trị, cũng như môi trường thể chế. Một số nghiên cứu còn phân tích hệ quả kinh tế của công bố thông tin, bao gồm tác động đến chi phí sử dụng vốn, giá trị doanh nghiệp, chính sách cổ tức. Mục tiêu lâu dài của hướng nghiên cứu này là cung cấp các luận cứ thực tiễn và đề xuất chính sách nhằm nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và hiệu quả quản trị thông tin tại doanh nghiệp, góp phần cải thiện niềm tin thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh cũng như sự phát triển bền vững của doanh nghiệp tại Việt Nam.

- **Quản trị công ty:** Hướng nghiên cứu này tập trung vào việc đánh giá các yếu tố cấu thành hệ thống quản trị công ty, bao gồm cả các thành phần nội bộ (như cơ cấu hội đồng quản trị, hệ thống kiểm toán nội bộ, cơ chế kiểm soát nội bộ) và các yếu tố bên ngoài (như áp lực từ cổ đông, quy định pháp lý, và đặc điểm thị trường vốn). Các nghiên cứu đặc biệt tập trung vào bối cảnh Việt Nam, nơi mà các yếu tố như mức độ minh bạch, quy mô thị trường và trình độ quản trị có ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả quản trị công ty. Nội dung nghiên cứu không chỉ dừng lại ở việc đánh giá mức độ tuân thủ các quy định và chuẩn mực quản trị, mà còn mở rộng sang phân tích vai trò của quản trị trong việc cải thiện công bố thông tin và nâng cao chất lượng báo cáo tài chính. Các công trình thuộc hướng này từng bước đi vào chiều sâu, thông qua việc nhận diện tác động của quản trị công ty đến sự thành công hay thất bại trong điều hành, và phản ứng của ban điều hành trước các yêu cầu thông tin từ các bên liên quan. Mục tiêu chung là góp phần hoàn thiện mô hình quản trị công ty phù hợp với đặc điểm thị trường đang phát triển như Việt Nam.

- **Chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán:** Hướng nghiên cứu này tập trung vào việc phân tích mức độ tương thích giữa các quy định kế toán hiện hành và thực tiễn triển khai tại doanh nghiệp, từ đó đánh giá hiệu quả áp dụng các chuẩn mực và chế độ kế toán trong điều kiện cụ thể của Việt Nam. Các công trình nghiên cứu xem xét cả khía cạnh nội dung quy định và

khía cạnh thực thi, đồng thời đối sánh với các chuẩn mực kế toán quốc tế (IFRS) nhằm nhận diện các điểm chênh lệch và hàm ý chuyển đổi. Mục tiêu tổng thể là góp phần đưa ra các khuyến nghị chính sách phù hợp để nâng cao chất lượng kế toán, giảm thiểu sai lệch trong báo cáo tài chính, và hỗ trợ ra quyết định tài chính trong doanh nghiệp một cách hiệu quả và có trách nhiệm.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn **20** HVCH bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên với vai trò là chủ nhiệm đề tài: **02** đề tài, gồm **01** đề tài cấp Trường Đại học Kinh tế và **01** đề tài cấp Đại học Đà Nẵng (tương đương đề tài cấp Bộ); Là thành viên của **02** đề tài NCKH đã hoàn thành nghiệm thu.
- Đã công bố (số lượng) **42** bài báo khoa học, trong đó **11** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) **0** bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản **04**, trong đó **02** quyển được xuất bản bởi NXB Giáo dục Việt Nam và 02 quyển được xuất bản bởi NXB Đà Nẵng;

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Được **Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo** tặng danh hiệu **Chiến sĩ thi đua cấp Bộ** vì có **thành tích xuất sắc tiêu biểu trong công tác** giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2024, theo Quyết định số 1107/QĐ-BGDĐT ngày 23/04/2025;
- Được công nhận danh hiệu **Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở** trong nhiều năm liền, bao gồm các năm: 2002 – 2005, 2010 – 2012, 2016, 2017, 2019, 2020, và 2022 – 2024;
- **Ba lần** được tặng **Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo** vì đã **hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ** năm học, vào các năm 2005, 2021, và 2023;
- Được **Thành ủy Đà Nẵng** tặng **Bằng khen** vì đã **đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” liên tục trong 5 năm** (từ năm 2019 đến 2023).

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Sau gần 28 năm công tác tại Khoa Kế toán, Trường Đại học Kinh tế – Đại học Đà Nẵng, tôi luôn giữ vững phẩm chất đạo đức nhà giáo, không vi phạm đạo đức nghề nghiệp và không bị bất kỳ hình thức kỷ luật nào. Tôi luôn trung thực, khách quan và không ngừng phấn đấu để hoàn thiện bản thân trong mọi mặt công tác, bao gồm giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và các công tác quản lý được phân công. Cụ thể:

- *Về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống:* Tôi luôn có quan điểm chính trị vững vàng, trung thành tuyệt đối với lý tưởng cách mạng của Đảng, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng,

trung thành với chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Tôi nhận thức đúng đắn và có tư tưởng chính trị vững vàng, luôn tích cực học tập nâng cao trình độ lý luận chính trị, chấp hành đúng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, và tham gia tích cực vào việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành giáo dục Việt Nam ở bậc đại học, các định hướng phát triển của Đại học Đà Nẵng và Trường Đại học Kinh tế.

Tôi luôn duy trì lối sống lành mạnh, giản dị, tiết kiệm, chống quan liêu tham nhũng lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác, luôn giữ gìn tư cách đạo đức và phẩm chất của một nhà giáo, tôn trọng tư duy phản biện trong công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và công tác quản lý. Tôi luôn cân nhắc đến ý kiến của người khác, nhiệt tình giúp đỡ, cộng tác và đồng viên các giảng viên trong Khoa Kế toán hoàn thành tốt công việc được giao. Tôi được đồng đạo đảng viên và quần chúng trong Khoa yêu mến và tín nhiệm cao, đồng thời cũng được lãnh đạo nhà trường đánh giá cao. Tôi luôn trung thực, khách quan, nghiêm túc và có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, thể hiện phong cách làm việc lịch sự, văn minh.

- *Về năng lực chuyên môn và nghiên cứu khoa học:* Tôi luôn nỗ lực tích lũy kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản lý. Nhờ đó, tôi đã hoàn thành tốt vai trò giảng viên và các vị trí quản lý được phân công, thực hiện xuất sắc nhiệm vụ giảng dạy, hướng dẫn học viên cao học và sinh viên đại học, nhận được sự yêu mến và kính trọng từ đồng nghiệp và sinh viên. Đặc biệt, trong những năm gần đây, tôi luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, hoàn thành vượt nhiều lần định mức giờ nghiên cứu khoa học. Tôi cũng đã hoàn thành tốt vai trò chủ nhiệm các đề tài nghiên cứu khoa học, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, và hàng năm tôi đều có các bài báo công bố trên các tạp chí khoa học uy tín trong và ngoài nước.

Với kinh nghiệm và kỹ năng tích lũy được, tôi đã tích cực hỗ trợ và khuyến khích nhiều giảng viên trong Khoa thực hiện tốt các nhiệm vụ nhà giáo, đồng thời chia sẻ các sáng kiến trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học với các giảng viên trong trường và ngoài trường. Tôi tham gia tích cực các hội thảo chuyên ngành quốc gia và quốc tế, cũng như tham phản biện cho các hội thảo, các tạp chí trong và ngoài nước. Với những nỗ lực này, tôi đã được đánh giá là hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong nhiều năm liên tiếp, đặc biệt là trong năm năm gần đây.

Trong công tác giảng dạy, tôi luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy được phân công, bảo đảm số giờ chuẩn theo quy định. Tôi luôn tìm tòi, học hỏi và đóng góp vào việc cải tiến nội dung và phương pháp giảng dạy các học phần được phân công phụ trách, cũng như các học phần khác trong chương trình đào tạo của Khoa Kế toán – Trường Đại học Kinh tế. Nhờ đó, tôi đã nhận được sự đánh giá cao từ sinh viên, học viên và đồng nghiệp. Tôi cũng chú trọng việc xây dựng hệ thống học liệu, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học.

- *Về công tác khác:* Bên cạnh giảng dạy và nghiên cứu khoa học, tôi tích cực tham gia các công tác khác của Khoa và Trường, như tham gia đào tạo phương pháp giảng dạy, rà soát, thẩm định và đánh giá các chương trình đào tạo để cập nhật và phát triển chương trình cũng như phục vụ công tác tự đánh giá các chương trình đào tạo phục vụ công tác kiểm định.

Ngoài ra, tôi còn tham gia tích cực vào việc thúc đẩy quá trình áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế tại Việt Nam, với vai trò là thành viên ban biên dịch và ban soạn thảo chuẩn mực kế toán quốc tế, do Bộ Tài chính chủ trì. Tôi cũng tham gia tích cực vào các phong trào và hoạt động của Khoa, Trường, góp phần vào sự phát triển chung của đơn vị.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo (tính đến 01/07/2025): **27 năm 09 tháng**

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2015-2016					435		435/527/270
2	2016-2017			2		465	90	555/660/216
3	2017-2018			4		540	90	630/795/216
4	2018-2019			6	5	435	90	525/850/216
5	2019-2020			2	5	240	45	285/535/216
6	2020-2021			2		450	90	540/645/189
7	2021-2022			2	5	450	90	540/745/189
03 năm học cuối								
8	2022-2023			1	4	360	45	405/537,5/189
9	2023-2024				4	495	45	450/552,5/189
10	2024-2025			1	3	405	45	450/562,5/189

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm
- Học ThS ☒ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐ ; tại nước: **Úc năm 2006 - 2007**
- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐ ; tại nước: **Úc năm 2015**
- b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐
- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:
- c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒
- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh
- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Kinh tế – ĐH Đà Nẵng
- d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): IELTS (6.5)

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Dương Ngọc Như Quỳnh		X	X		2016 - 2017	Trường Đại học Kinh tế – ĐH Đà Nẵng	06/10/2017
2	Lê Thị Bảo Ngọc		X	X		2016 - 2017	Trường Đại học Kinh tế – ĐH Đà Nẵng	06/10/2017
3	Võ Hoàng Tùng		X	X		2017 - 2018	Trường Đại học Kinh tế – ĐH Đà Nẵng	16/03/2018
4	Trịnh Thị Ngọc Mùi		X	X		2016 - 2018	Trường Đại học Kinh tế – ĐH Đà Nẵng	16/03/2018
5	Lê Thùy Trang		X	X		2017 - 2018	Trường Đại học Kinh tế – ĐH Đà Nẵng	22/10/2018
6	Hàn Như Thiện		X	X		2017 - 2018	Trường Đại học Kinh tế – ĐH Đà Nẵng	22/10/2018
7	Nguyễn Trường Huy		X	X		2019 - 2019	Trường Đại học Kinh tế – ĐH Đà Nẵng	24/10/2019
8	Nguyễn Thị Bích Vân		X	X		2019 - 2019	Trường Đại học Kinh tế – ĐH Đà Nẵng	24/10/2019
9	Võ Tiến Đạt		X	X		2018 - 2019	Trường Đại học Kinh tế – ĐH Đà Nẵng	24/10/2019

10	Võ Thị Kim Giàu		X	X		2018 - 2019	Trường Đại học Kinh tế – ĐH Đà Nẵng	03/05/2019
11	Nguyễn Thị Lành		X	X		2018 - 2019	Trường Đại học Kinh tế – ĐH Đà Nẵng	24/10/2019
12	Đồng Thị Như Quỳnh		X	X		2018 - 2019	Trường Đại học Kinh tế – ĐH Đà Nẵng	24/10/2019
13	Trần Thị Nam Hải		X	X		2019 - 2020	Trường Đại học Kinh tế – ĐH Đà Nẵng	28/12/2020
14	Đặng Thị Diệu Nga		X	X		2020 - 2020	Trường Đại học Kinh tế – ĐH Đà Nẵng	28/12/2020
15	Phan Thị Vũ My		X	X		2020 - 2021	Trường Đại học Kinh tế – ĐH Đà Nẵng	14/05/2021
16	Phan Viết Vần		X	X		2020 - 2021	Trường Đại học Kinh tế – ĐH Đà Nẵng	14/05/2021
17	Hoàng Ngọc Thanh		X	X		2021 - 2021	Trường Đại học Kinh tế – ĐH Đà Nẵng	28/12/2021
18	Nguyễn Thị Giáng Tiên		X	X		2021 - 2022	Trường Đại học Kinh tế – ĐH Đà Nẵng	19/05/2022
19	Mạc Nguyên Huy		X	X		2022 - 2023	Trường Đại học Kinh tế – ĐH Đà Nẵng	07/03/2023
20	Dương Hiền Khánh		X	X		2024 - 2025	Trường Đại học Kinh tế – ĐH Đà Nẵng	07/03/2025

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1	Giáo trình Hệ thống thông tin kế toán – Phần 1	GT	NXB Giáo dục Việt Nam, năm 2010	02	TS. Ngô Hà Tấn	- Chương 4 (trang 94-180); - Chương 5 (trang 181 - 234)	Quyết định số 10/QĐ-ĐHKT-KH ngày 08/02/2010

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
II	Sau khi được công nhận TS						
2	Giáo trình nguyên lý kế toán	GT	NXB Giáo dục Việt Nam, năm 2020	03	TS. Nguyễn Hữu Cường	- Chương 1 (trang 7-37); - Chương 6 (trang 192 - 226)	Quyết định số 1257/QĐ-ĐHKT ngày 28/08/2020
3	Giáo trình nhập môn kế toán	GT	NXB Đà Nẵng, năm 2023	03	TS. Nguyễn Hữu Cường	- Chương 1 (trang 1-42); - Chương 4 (trang 115 - 144) - Chương 6 (trang 183 - 205) - Chương 7 (trang 206 - 234)	Quyết định số 2924/QĐ-ĐHKT ngày 27/09/2023
4	Bài tập kế toán tài chính 1	TK	NXB Đà Nẵng, năm 2023	02	TS. Nguyễn Hữu Cường	- Chương 1 đến 4 (trang 1 - 96)	Quyết định số 974/QĐ-ĐHKT ngày 30/03/2023

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS.

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1	Nghiên cứu hệ thống thông tin kế toán đáp ứng yêu cầu quản lý tài chính theo phân cấp ở Tập đoàn điện lực Việt Nam (Đề tài)	Thành viên	B2007-ĐN04-18	24 tháng	08/02/2010/Khá
2	Đối chiếu hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam với hệ thống chuẩn mực trình bày báo cáo tài chính quốc tế (Đề tài)	Thành viên	B2010-ĐN04-46	24 tháng	05/03/2012/Khá
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ tuân thủ về công bố thông tin trong các báo cáo tài chính giữa niên độ của các nước thuộc khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (Đề tài)	CN	T2016-04-05, Trường ĐH Kinh tế - ĐH Đà Nẵng	01/2016 - 12/2016	29/12/2021/Tốt
2	Ảnh hưởng của công bố thông tin và môi trường thông tin của công ty đến các quyết định tài chính và giá trị công ty: Bằng chứng từ các cú sốc vĩ mô gần đây (Đề tài)	CN	B2022-DN04-07, Đại học Đà Nẵng	12/2022 - 11/2024	17/01/2025/Xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
	<i>Bài báo khoa học quốc tế</i>							
1	Factors Causing Enron's Collapse: An Investigation into Corporate Governance and Company Culture	1	X	Corporate Ownership and Control /ISSN: 1727-9232 (print), 1810-3057 (online)	Scopus (Q3)	29	8 (3-6), trang 585-593	03/2011
Link bài báo: https://doi.org/10.22495/cocv8i3c6p2 Link Scopus: https://www.scimagojr.com/journalsearch.php?q=5800198357&tip=sid&clean=0								
2	Sustainability and Corporate Social Responsibility from Business Ethics Perspective	1	X	Corporate Ownership and Control /ISSN: 1727-9232 (print), 1810-3057 (online)	Scopus (Q3)	2	9 (1), trang 115-121	04/2011
Link bài báo: https://doi.org/10.22495/cocv9i1art7 Link Scopus: https://www.scimagojr.com/journalsearch.php?q=5800198357&tip=sid&clean=0								
3	The Possibilities of Adopting IAS/IFRS in Vietnam: An Analysis	1	X	Corporate Ownership and Control /ISSN: 1727-9232 (print), 1810-3057 (online)	Scopus (Q3)	14	9 (1-1), trang 161-171	05/2011
Link bài báo: https://doi.org/10.22495/cocv9i1c1art1 Link Scopus: https://www.scimagojr.com/journalsearch.php?q=5800198357&tip=sid&clean=0								

4	Interim Financial Reporting in the Asia-Pacific Region: A review of regulatory requirements	3	X	Corporate Ownership and Control /ISSN: 1727-9232 (print), 1810-3057 (online)	Scopus (Q3)	12	10 (3-3), trang 380-388	06/2013
Link bài báo: https://doi.org/10.22495/cocv10i3c3art4 Link Scopus: https://www.scimagojr.com/journalsearch.php?q=5800198357&tip=sid&clean=0								
5	The need for Legislation like Sarbanes-Oxley for IT governance: An Australia perspective	1	X	Information Systems Control Journal /ISSN: 1526-7407	ABDC (2010): C	4	3, trang 1-5	10/2007
Link ABDC (2010): https://abdc.edu.au/wp-content/uploads/2023/05/ABDC-JQL-2022-v3-100523.xlsx								
Bài báo khoa học trong nước								
6	Tài khoản kế toán áp dụng trong hai phương pháp hạch toán hàng tồn kho	1	X	Tạp chí Kế toán	Hội Kế toán Việt Nam		14, trang 209-212	09/1998
7	Thực trạng tổ chức bộ máy kế toán theo chế độ kế toán hiện hành	1	X	Tạp chí Kế toán	Hội Kế toán Việt Nam		17, trang 57-58	04/1999
8	Cần hiểu và vận dụng đúng chế độ tài chính trong hạch toán	1	X	Tạp chí Kế toán	Hội Kế toán Việt Nam		33, trang 248-249	12/2001
9	Hoàn thiện hạch toán hoạt động xuất nhập khẩu uỷ thác	1	X	Tạp chí Kế toán	Hội Kế toán Việt Nam		39, trang 235-241	12/2002
10	Xác định giá trị của hàng tồn kho thừa, thiếu phát hiện qua kiểm kê	1	X	Tạp chí Tài chính/ ISSN: 005-56	Cơ quan thông tin lý luận và nghiệp vụ của ngành tài chính		5(475), trang 25-26	05/2004

11	Tìm một phương pháp hợp lý về hạch toán nghiệp vụ xuất khẩu theo mức giá quy định	1	X	Tạp chí Tài chính/ ISSN: 005-56	Cơ quan thông tin lý luận và nghiệp vụ của ngành tài chính		11(481, trang 35-37	11/2004
12	Phương pháp ghi kép vào tài khoản - Cơ sở hình thành và nguyên tắc ghi kép	1	X	Tạp chí phát triển kinh tế / ISSN: 1859-1116	Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh		242, trang 39-44	12/2010
Link bài báo: https://jabes.ueh.edu.vn/Home/SearchArticle?article_Id=f9bba9e2-f0d3-4022-9189-66969cd69928								
13	Are Accounting Standards Neutral or Unbiased?	1	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Đại học Đà Nẵng)/ ISSN: 1859-1531	Đại học Đà Nẵng	1	5(46), trang 146-152	12/2011
14	Một số bất cập trong Luật thuế thu nhập cá nhân	1	X	Tạp chí Kế toán và Kiểm toán/ ISSN: 1859-1914	Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam		6(117), trang 36-38	6/2013
II	Sau khi được công nhận TS							
	Bài báo khoa học Quốc tế							
15	Integrated reporting disclosure alignment levels in annual reports by listed firms in Vietnam and influencing factors	6	X	Meditari Accountancy Research /ISSN 2049-372X	ESCI (ISI), Scopus (Q1) IF(2024) = 4.4, ABDC (A)	40	30 (6), trang 1543-1570	11/2022
Link bài báo: https://doi.org/10.1108/MEDAR-02-2020-0710 Link Scopus: https://www.scimagojr.com/journalsearch.php?q=21100446969&tip=sid&clean=0								
16	Interim financial reporting disclosure by listed firms in the Asia-Pacific region and influencing factors	1	X	Pacific Accounting Review / ISSN: 0114-0582	ESCI (ISI), Scopus (Q2) IF (2024) = 2.5	1	35 (2), trang, 218-248	02/2023
Link bài báo: https://doi.org/10.1108/PAR-08-2021-0134 Link Scopus: https://www.scimagojr.com/journalsearch.php?q=21100851416&tip=sid&clean=0								

17	COVID-19-related disclosures by listed firms in Vietnam	2	X	Journal of Financial Reporting and Accounting / ISSN: 1879-0585	ESCI (ISI), Scopus (Q2) IF (2024) = 4.2	4	21 (4), trang 916-935	9/2023
Link bài báo: https://doi.org/10.1108/JFRA-04-2023-0204 Link Scopus: https://www.scimagojr.com/journalsearch.php?q=21100899291&tip=sid&clean=0								
18	Hierarchical complexity and seasoned equity offerings	6	X	Review of Behavioral Finance / ISSN: 1940-5979	ESCI (ISI), Scopus (Q2) IF (2024) = 1.8	0	16 (6), trang 973-997	10/2024
Link bài báo: https://doi.org/10.1108/RBF-03-2024-0058 Link Scopus: https://www.scimagojr.com/journalsearch.php?q=21100821131&tip=sid&clean=0								
19	Insights into voluntary disclosure quality and determinants: Evidence from Vietnamese listed companies during COVID-19	2	X	Reporting and Accountability Review /ISSN 3083-5739 (Print) 3083-5747 (online)	Tạp chí quốc tế khác	0	1 (2), trang 8-16	01/2025
Link bài báo: https://doi.org/10.22495/rarv1i2p1								
20	The extent and determinants of SDG disclosures in Vietnamese listed firms	2	X	Meditari Accountancy Research /ISSN 2049-372X	ESCI (ISI), Scopus (Q1) IF(2024) = 4.4, ABDC (A)	0	33 (1), trang 335-364	02/2025
Link bài báo: https://doi.org/10.1108/MEDAR-08-2024-2605 Link Scopus: https://www.scimagojr.com/journalsearch.php?q=21100446969&tip=sid&clean=0								
21	An international empirical study of the impact of green bonds on sustainable development goals	2	X	Review of Behavioral Finance / ISSN: 1940-5979	ESCI (ISI), Scopus (Q2) IF (2024) = 1.8	0	17(3), trang 499-523	05/2025
Link bài báo: https://doi.org/10.1108/RBF-08-2024-0243 Link Scopus: https://www.scimagojr.com/journalsearch.php?q=21100821131&tip=sid&clean=0								
22	Business strategy heterogeneity and ESG disclosure	6		International Review of Economics & Finance / ISSN:	SSCI, IF(2024) = 4.8, Scopus Q1	1	100	06/2025
Link bài báo: https://doi.org/10.1016/j.iref.2025.104118 Link Scopus: https://www.scimagojr.com/journalsearch.php?q=21100821131&tip=sid&clean=0								

Bài báo khoa học Trong nước								
23	Công bố thông tin trong báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam: Tồn tại và giải pháp	1	X	Tạp chí Kinh tế & Phát triển (ISSN 1859-0012)	Trường ĐH Kinh tế Quốc dân	0	221, trang 82-90	11/2015
Link bài báo: https://vjol.info.vn/index.php/JED/article/view/41372								
24	Báo cáo tài chính giữa niên độ ở Việt Nam: Thực tiễn và giải pháp	1	X	Nghiên cứu Kinh tế/ ISSN: 0866 - 7489	Viện Kinh tế Việt Nam, Viện Hàn lâm KHXH	0	9(460), trang 31-37	09/2016
25	Lý thuyết khung áp dụng trong các nghiên cứu công bố thông tin trong báo cáo tài chính	1	X	Tạp chí Kế toán và Kiểm toán/ ISSN: 1859-1914	Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam	0	4(163), trang 22-25	4/2017
26	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin của các doanh nghiệp thuộc ngành tiêu dùng niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	2	X	Nghiên cứu Kinh tế/ ISSN: 0866 - 7489	Viện Kinh tế Việt Nam, Viện Hàn lâm KHXH	0	4(497), trang 33-41	04/2018
27	Công bố thông tin tùy ý trên báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	2	X	Nghiên cứu Kinh tế/ ISSN: 0866 - 7489	Viện Kinh tế Việt Nam, Viện Hàn lâm KHXH	0	8(483), trang 44-53	08/2018
28	Công bố thông tin về quản lý rủi ro của các công ty thuộc ngành tài chính niêm yết ở Việt Nam	2	X	Khoa học thương mại/ ISSN: 1859 - 3666	Trường Đại học Thương Mại	0	17(121), trang 24-32	09/2018

29	Công bố thông tin về lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu trong báo cáo tài chính của các công ty niêm yết ở Việt Nam	2	X	Nghiên cứu Kinh tế/ ISSN: 0866 - 7489	Viện Kinh tế Việt Nam, Viện Hàn lâm KHXH	0	2(489), trang 11-20	02/2019
30	Công bố thông tin về báo cáo bộ phận của các công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	2	X	Nghiên cứu Kinh tế/ ISSN: 0866 - 7489	Viện Kinh tế Việt Nam, Viện Hàn lâm KHXH	0	2(501), trang 47-61	02/2020
31	Công bố thông tin về báo cáo bộ phận trong báo cáo tài chính cuối niên độ của công ty niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và các nhân tố ảnh hưởng	2	X	Khoa học thương mại/ ISSN: 1859 - 3666	Trường Đại học Thương Mại	0	20(158), trang 86-97	10/2021
32	Mức độ tuân thủ công bố thông tin trong báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty đại chúng chưa niêm yết ở Việt Nam và các nhân tố ảnh hưởng	2	X	Khoa học thương mại/ ISSN: 1859 - 3666	Trường Đại học Thương Mại	0	20(160), trang 60-71	12/2021
33	So sánh công bố thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty niêm yết ở Việt Nam và Phi-líp-pin	2	X	Nghiên cứu Kinh tế/ ISSN: 0866 - 7489	Viện Kinh tế Việt Nam, Viện Hàn lâm KHXH	0	1(524), trang 49-61	01/2022

34	Mức độ công bố thông tin phi tài chính của các doanh nghiệp sản xuất niêm yết ở Việt Nam và các nhân tố ảnh hưởng	2	X	Khoa học thương mại/ ISSN: 1859 - 3666	Trường Đại học Thương Mại	2	21(163, trang 72-83	03/2022
35	Công bố thông tin tùy ý trong báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty đại chúng chưa niêm yết ở Việt Nam	2	X	Nghiên cứu Kinh tế/ ISSN: 0866 - 7489	Viện Kinh tế Việt Nam, Viện Hàn lâm KHXH	0	2(537), trang 63-74	02/2023
36	Chất lượng công bố thông tin về báo cáo bộ phận của các công ty niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Hà Nội	2	X	Nghiên cứu Kinh tế/ ISSN: 0866 - 7489	Viện Kinh tế Việt Nam, Viện Hàn lâm KHXH	0	3(538), trang 74-87	03/2023
37	Chất lượng công bố thông tin trong báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty đại chúng chưa niêm yết ở Việt Nam	3	X	Nghiên cứu Kinh tế/ ISSN: 0866 - 7489	Viện Kinh tế Việt Nam, Viện Hàn lâm KHXH	0	8(543), trang 63-76	08/2023
38	Giá trị công ty có quan trọng đối với công bố thông tin doanh nghiệp? Nghiên cứu công bố thông tin liên quan đến covid-19 của các công ty niêm yết Việt Nam.	2	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Đại học Đà Nẵng)/ ISSN: 1859-1531	Đại học Đà Nẵng		21(8-1), trang 17-22	09/2023

39	Corporate Internet Reporting by Unlisted Public Firms in Vietnam	5	X	Vietnam's Socio-Economics Development/ ISSN: 0868-359X	Vietnam Institute of Economics (ABDC-2022: C)		30(1), trang 16-37	04/2025
	Link ABDC Journal Quality List: https://abdc.edu.au/abdc-journal-quality-list/							
	Báo cáo khoa học							
40	Công bố thông tin phi tài chính của các công ty đại chúng ngành vận tải và kho bãi ở Việt Nam	02	X	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia về kế toán và kiểm toán năm 2022 (VCAA 2022)/ ISBN: 978-604-330-509-8	Báo cáo khoa học tại Hội nghị khoa học quốc gia		Trang 41-52	11/2022
41	Chất lượng công bố thông tin trong báo cáo tài chính của các công ty niêm yết ở Việt Nam	05	X	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia về kế toán và kiểm toán năm 2022 (VCAA 2022)/ ISBN: 978-604-330-509-8	Báo cáo khoa học tại Hội nghị khoa học quốc gia		Trang 255-264	11/2022
42	Công bố thông tin trách nhiệm xã hội và chi phí sử dụng vốn của các công ty niêm yết Việt Nam	02	X	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia về kế toán và kiểm toán năm 2024 (VCAA 2024)/ ISBN: 978-604-481-712-5	Báo cáo khoa học tại Hội nghị khoa học quốc gia		Quyển 2, Trang 218-236	10/2024

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: 6 bài gồm: [15], [16], [17], [18], [20], [21].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
3							
4							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS.....

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
3					
4					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
3					
4					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo ngành Kế toán	Tham gia (Ủy viên hội đồng, Thành viên Ban thư ký và Trưởng nhóm công tác chuyên trách)	Quyết định số 1248/QĐ-ĐHKT ngày 18/10/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng về việc thành lập Hội đồng Tự đánh giá Chương trình đào tạo ngành Kế toán	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	- Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Kế toán, tháng 12/2018. - Chứng nhận số AP391UDFEB19 ngày 20/03/2019 của Mạng lưới trường đại học Đông Nam Á (AUN)	
2	Chương trình đào tạo ngành Kiểm toán	Tham gia (Ủy viên hội đồng, Trưởng nhóm công tác chuyên trách)	Quyết định số 1071/QĐ-ĐHKT ngày 18/07/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng về việc thành lập Hội đồng Tự đánh giá Chương trình đào tạo ngành Kế toán	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	- Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Kiểm toán, tháng 07/2019. - Chứng nhận số AP483UDDOCT19 ngày 10/11/2019 của Mạng lưới trường đại học Đông Nam Á (AUN)	
3	Chương trình đào tạo đào tạo trình độ đại học ngành Kế toán và Chương trình đào tạo ngành Kiểm toán	Tham gia (Thành viên)	Quyết định số 961/QĐ-ĐHKT ngày 24 tháng 06 năm 2022 về việc thành lập các Hội đồng rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học năm học.	Trường Đại học Kinh tế	- Chương trình đạo tạo ngành kế toán - Chương trình đạo tạo ngành kiểm toán	
4	Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán	Tham gia (Thư ký)	Quyết định số 761/QĐ-ĐHKT ngày 17 tháng 05 năm 2021 về việc thành lập Tổ xây dựng, cập nhật chương trình đào tạo thạc sĩ	Trường Đại học Kinh tế	- Chương trình đạo tạo ngành kế toán - Chương trình đạo tạo ngành kiểm toán	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Nguyễn Hữu Cường